

## PHẨM 5: VẤN TẬT

Sau phẩm Phương Tiện gồm có bốn phẩm trong phần ẩn tích lợi tha. Một phẩm đầu nói chung về quyền, hai phẩm sau nói về riêng về quyền. Phẩm Thanh Văn và Bồ-tát đã nói riêng về quyền khi xưa, bây giờ phẩm Vấn Tật là nói quyền ngày nay. Hiện bệnh, không ăn mới mong có người hỏi. Nhân nơi đối đáp mà luận đạo, thuyết pháp cho người đến thăm bệnh để tế độ quần sinh. Phẩm này nói rộng về các việc trên, cho nên gọi là Vấn Tật.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ Đức Phật bảo... đến thăm bệnh an ủi ông ấy.*

Tán: Phẩm này gồm có năm đoạn chính:

1. Đức Phật sai bảo ngài Cát Tường.
2. Ngài Cát Tường vâng mệnh.
3. Trời người đi theo.
4. Đến đó hỏi đáp.
5. Chúng đương thời được lợi ích.

Đây là văn thứ nhất. Thử qua hết tất cả hiền Thánh, đều từ chối không dám nhận, suy biết chỉ có ngài cho nên mới bảo. Phạm Mạn-thu-thất-lợi, Hán dịch là Diệu Cát Tường. Cát tức là khéo làm lợi ích, Tường tức vui mừng, lời nói và hình thức chẳng thể suy lường được cho nên gọi là Diệu. Vả lại thần lực cứu vật gọi là Cát, tích tập điều thiện gọi là Tường; lợi ích và công dụng siêu việt nên gọi là Diệu, tức là Diệu Cát Tường. Bản dịch xưa ghi là Văn-thù-sư-lợi, dịch là Diệu Đức, thì văn đã sai lệch. Ủy tức an ủi, vấn tức lời hỏi; an ủi thăm hỏi cho nên gọi là ủy vấn.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường... khó mà đối đáp.*

Tán: Ngài Cát Tường vâng mệnh, ý gồm có ba:

1. Lược cho là rất khó đối đáp.
2. Nói riêng về đức cao của Vô Cấu.
3. Kết luận, rất khó đối đáp, nhưng thừa oai thần của Phật mà phải đi.

Đây là ý thứ nhất. Sĩ tức sĩ phu, là hiệu của người giả tạm, Đại tức chẳng nhỏ, lời tôn xưng bậc có đạo đức; thù tức là đáp; đối tức là địch. Đạo đức của ông ấy cao tốt, cho nên khó đối đáp.

**Kinh:** *Thâm nhập pháp môn... tuệ giác vô ngại.*

Tán: Luận riêng về cao đức, gồm mười ba câu, bản xưa chỉ có chín câu, thiếu bốn câu, trong bản mới là: Đã đến bờ kia, thuyết pháp giới môn, biết căn cơ hữu tình, tự tại hỏi đáp. Còn các văn còn lại thì hơi

khác. Nhưng ý nghĩa phần lớn thì đồng. Trong mười ba câu hợp thành sáu đôi: Hai câu đầu nói về đức chứng chân thuyết chân; hai câu kế nói về đức thuyết tục chứng tục; hai câu kế nói về đức lợi tha tự lợi; ba câu kế nói về đức phá ác thuận thiện; hai câu kế nói về đức biết căn khéo hóa; hai câu cuối cùng nói về đức có trí luận biện. Trước còn phải chứng chân thì mới có thể đạt tục, đã biết được điều này, liền có hai lợi ích. Môn lợi ích không ngoài phá ác hợp thiện; họa diệt phước tăng mới có thể biết căn cơ mà khéo léo hóa độ; đạo viên mãn trí cao tột, luận biện nhanh nhẹn lời lẽ sâu xa; có trí tuệ khéo luận đàm, thật rất khó đối địch. Đoạn này gồm bốn câu, hai câu đầu là chứng chân thuyết chân, hai câu sau là thuyết tục đạt tục. Thâm nhập pháp môn, vì đã chứng chân, luận thuyết khéo léo, vì đã đạt chân, trụ ở diệu biện tài vì đã thuyết tục, giác tuệ vô ngại, vì đã chứng tục.

**Kinh:** *Tất cả Bồ-tát... đều có thể tùy nhập.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu nói về đức tự lợi lợi tha. Các sự nghiệp của Bồ-tát đều đã thành tựu; có thể làm lợi ích cho người; vào nơi bí mật của hai bậc Thánh, làm lợi ích cho chính mình; sự nghiệp của Bồ-tát vốn là lợi tha, nhưng vào chân như bí mật thì thành tự lợi.

**Kinh:** *Khéo nhiếp phục các ma... rất ráo đến bờ kia.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu nói về phá ác kế hợp thiện. Một câu đầu phá ác, hai câu sau kế hợp với thiện. Hay chứng hay thuyết kế hợp với chân pháp giới cho nên thành hai câu. Trong hai câu này tức là nói về phá ác chứng chân, nhiếp tức nhiếp trì, tức chế ngự và nhiếp thọ, khéo léo chế ngự bốn ma, cho nên gọi là xảo tiện. Vì ma chẳng phải là ma cho nên gọi là không ngại. Bờ kia rất ráo, thể là Niết-bàn xa lìa bờ này sinh tử, chân pháp giới này là sở hành của bậc Thánh, không có ngã và pháp, cũng không có các sở chấp sai dị khác, rất thù thắng; vì họ đã đến bờ kia; trí đã chứng chân cho nên gọi là đã đến.

**Kinh:** *Có thể ở nơi một tướng... trang nghiêm pháp môn.*

Tán: Đoạn này nói về năng thuyết chân. Vì lời nói hợp lý nên pháp giới thanh tịnh, vạn đức trang nghiêm. Vô tướng là tướng cho nên nói nhất tướng. Trong các kinh đều nói tất cả các pháp đều đồng một tướng. Vì vô tướng mà là tướng, cho nên có thể nơi pháp nhất tướng của pháp giới mà thuyết pháp môn trang nghiêm thanh tịnh pháp giới. Tức là thuyết vô lượng pháp môn như Phật tánh Như Lai tạng, chân như pháp thân, Niết-bàn giải thoát, pháp giới pháp tánh... có thể nói nhiều đức tướng trang nghiêm một tướng. Tuy nói có nhiều tướng nhưng vẫn kế hợp nhất tướng, cho nên gọi là năng thuyết.

**Kinh:** *Liễu đạt tất cả... thần thông tối thắng.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu nói về đức biết căn cơ khéo giáo hóa. Căn tức căn tánh, hành tức ý lạc, hoặc cho rằng hành tức hành tướng, hành tướng của căn không có thể riêng. Do biết căn này cho nên được sáu thông khéo léo hóa độ.

**Kinh:** *Đến đại trí tuệ... tự tại không sợ sệt.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu, nói về đức có trí hay luận biện. Phương tiện tức diệu dụng của trí, thú nghĩa là cảnh hưởng, hoặc thú là chỗ quy về, cho nên hỏi đáp tự tại không sợ sệt, hãy phá dẹp sự luận biện của người khác, khéo đạt tự tông, luận thức hay luận nghiêm đều hiểu rõ.

**Kinh:** *Chẳng phải ngôn luận của kẻ hạ liệt... đối kháng được.*

Tán: Kết luận, thật khó đối đáp nhưng thừa oai thần của Phật mà đi. Gồm hai phần:

1. Kết luận nói về khó đối đáp.
2. Thừa oai thần mà đến.

Đây là văn đầu, phong là sắc bén, nhanh nhẹn. Do đầy đủ các đức trước, cho nên lời lẽ sắc bén nhanh nhẹn của kẻ hạ liệt không thể đối đáp được. Hoặc cho rằng ý này thuộc về câu “hay luận biện” nói ở trên, sau đây mới là văn kết luận, sẽ hợp lý hơn.

**Kinh:** *Tuy nhiên ta sẽ... đàm luận với ông ấy.*

Tán: Đoạn này nói về việc nhờ oai lực mà đến. Lời nói “tuy nhiên” gồm cả ý nghĩa đức đã kém hơn, ngài Cát Tường khiêm nhường cho nên mới nói: “Cao đức của ông ấy ta khó có thể đối đáp lại được”. Đây là ta kém hơn, đức của ta không bằng được, nương oai lực của Phật mà đến là đức của Phật. Cho nên mới nói “Tuy nhiên”, còn các ý khác thì cũng có thể biết được.

**Kinh:** *Như thế tám ngàn Bồ-tát, năm trăm Thanh văn trong chúng... đều nghĩ rằng.*

Tán: Đoạn thứ ba, trời người đều đi theo. Có ba ý:

1. Nói về tâm nghĩ.
2. Xin đi.
3. Chính thức đi.

- Ý thứ nhất lại có hai:

1. Nêu lên.
2. Giải thích.

Đây là đoạn văn thứ nhất.

**Kinh:** *Nay hai vị Bồ-tát... đều theo đến nơi ấy.*

Tán: Đoạn này nói về tâm suy nghĩ. Diệu Cát tường và Vô Cấu Xưng là hai vị Bồ-tát; lời nói và suy nghĩ chẳng thể suy lường được, cho nên nói là rất sâu xa. Dụng của tâm cùng khắp cho nên gọi là rộng lớn, chỗ biết thật đã nhất định cho nên gọi là Thắng giải. Đạo đã thanh tịnh, trí đã rộng lớn thì luận nói ắt sẽ sâu xa, chúng ta vì muốn nghe, nên cùng nhau đến đó. Suất nghĩa là người khác lãnh đạo. Khuyến người thống lãnh một phần, theo nhau đến đó.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ trong chúng... đều xin đi.*

Tán: Đoạn này nói về chúng xin đi, Đức Phật im lặng không đáp, tức đã chấp nhận. Bản xưa không có lời xin, chỉ nói muốn đi.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ Bồ-tát Diệu Cát Tường... đánh lễ Thế Tôn.*

Tán: Chánh thức đi gồm hai:

1. Vâng mệnh Phật và cung kính từ già.
2. Chính thức điệt.

Đây là văn đầu tiên. Thừa oai thần của Phật sắp đi cho nên đều đứng dậy, thừa mệnh chẳng dám xem nhẹ, cho nên phải đánh lễ.

**Kinh:** *Trước sau vây quanh... đến thăm bệnh.*

Tán: Chính thức nói việc đến thăm bệnh. Ngài Cát Tường dẫn đầu, đại chúng theo sau, đã ra khỏi Am-la thẳng đến đó thăm bệnh.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... hiện bệnh mà nằm.*

Tán: Đây là phần thứ tư nói về việc đến đó luận đối. Gồm hai:

1. Ngài Vô Cấu Xưng suy nghĩ đợ khách.
2. Ngài Cát Tường theo lời dạy của Phật hỏi han về bệnh.

- Trong phần đầu lại có hai:

1. Tưởng nghịch.
2. Đón tiếp khách.

Đây là đoạn nói về tưởng nghịch. Tổng cộng có sáu tướng.

1. Dùng thần lực của mình.
2. Trong nhà trống.
3. Đẹp tất cả.
4. Không thị giả.
5. Đặt một chiếc giường.
6. Hiện bệnh nằm trên giường.

Hiện đức của mình cao, bày sự bất tư nghì nói ở dưới. Nghĩ dùng thần lực của mình để hiển trí chứng chân, và nêu sự vấn đáp ở sau, vì sao để thất trống không. Nghĩ để trượng thất trống không, là hiển thị việc đoạn ái nhiễm, nêu bày việc sắc thân hiện cùng khắp và nghĩ tướng đến thức ăn ở sau. Nghĩ trừ tất cả là hiển thị việc siêu việt ba cõi,

nêu bày việc hỏi đáp vì sao không có thị giả ở sau. Nghĩ không có thị giả là hiển thị giải thoát không hai và nêu bày việc nghĩ đến tòa ngai ở sau. Nghĩ đặt một chiếc giường là hiển thị nghĩ đến chúng sinh và nêu lên bốn câu hỏi ở sau. Nghĩ hiện bệnh mà nằm. Bốn câu hỏi là:

1. Hỏi nguyên nhân căn bệnh.
2. Hỏi tướng trạng của bệnh.
3. Hỏi để an ủi.
4. Hỏi về điều phục.

Đến văn sau sẽ biết. Tuy có sáu tướng, nhưng gom vào ba ý:

1. Tức tịch mà dụng.
2. Chứng ba không.
3. Được đạo Bất trụ.

Thần lực tức dụng, tướng thất trống tức tịch. Không có thị giả... là biểu thị chúng sinh không, trừ dẹp tất cả là biểu thị các pháp không. Đặt một chiếc giường nghĩa là do có đại trí mà chẳng trụ sinh tử, nằm trên giường giải thoát. Thị hiện có bệnh nghĩa là do đại bi cho nên chẳng trụ Niết-bàn tùy thuận cứu khổ.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... hiện bệnh mà nằm.*

Tán: Đây là phần đọi khách. Gồm có năm: Trừ tất cả và không thị giả hợp làm một câu; dẹp tất cả các vật đã có cũng ở trong lời văn này.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường... nằm trên một chiếc giường.*

Tán: Ngài Cát Tường theo lời Phật dạy thăm bệnh, gồm hai: Nói về cảnh thấy và cả hai đàm luận.

Đây là văn đầu.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ Vô Cấu Xưng... chẳng nghe mà nghe.*

Tán: Đây là đoạn nói hai vị đàm luận. Lại chia làm hai ý:

1. Phép tắc gặp nhau.
2. Đàm luận.

Trong phần phép tắc gặp nhau lại có hai:

1. Chủ nhân nói trước, tức đưa ra lời chào hỏi mà nhận khách.
2. Bậc thượng khách nói sau hiển thị việc đối đáp mà chẳng nên trái.

Đây là văn đầu. Ở Ấn Độ, có phép tắc là khi gặp khách phải chào hỏi. Bồ-tát tu hành khi chào hỏi để vấn an, đều nói là Thiện lai, “vui mừng vì ông đã đến đây” mà lại nói ngược là xưa nay chẳng đến mà nay đến, xưa nay chưa nghe mà nay mới nghe, như người thế gian

thường nói: “Lâu nay chẳng đến mà nay đến, thật là hân hạnh quá!” Cảm tạ sự đến thăm này. Vui không gì vui hơn ngày hôm nay ta được biết nhau, mừng không gì mừng hơn ta nay mới được gặp nhau! Do đó vẫn sau ngài Cát Tường đáp: “Nếu đã đến thì chẳng thể đến nữa, từ xưa chưa đến thì nay mới đến, mới đến thì gọi là đến, đến đã lâu thì chẳng gọi là đến. Đây là y cứ vào sự để giải thích. Còn theo lý thì giải thích như sau: “Sợ lời nói phạm lỗi, bỏ vọng hiển chân, cho nên lại nói chẳng đến mà đến...” Lý Không Nghĩa ghi: “Nhân duyên thế tục thì có thể nói là có đến; kia đã chẳng phải chân, tức chẳng đến mà đến, thì đây cũng chẳng thấy mà thấy; thật đã chẳng thấy mà thấy thì nói cũng chẳng nghe mà nghe, tức hiển thị không hư vọng mà đến... Vì có đến chân thật”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Như sở chấp của phàm phu, nếu vô cơ thì chẳng đến, theo nhân duyên sự thế tục thì nơi giả có thể nói là có đến; kia đã có nhân duyên thì tạm có thể có đến, vì không có sở chấp, chân thật có đến, thì đây cũng không có cái thấy mà kia chấp, nhưng vì nhân duyên nên tạm gọi là thấy. Về thân đã thấy cái chẳng thấy, về lời thì nghe cái chẳng nghe, không có sở chấp hư vọng, thuận theo thế tục mà đến. Hoặc trong chân thật không có tướng, cho nên nói “chẳng đến”, trong tục có hình nên nói “mà đến”. Kia, nơi chân đã chẳng đến, trong tục có đến, thì đây nơi chân cũng chẳng thấy, nơi tục giả có thấy. Về thân, nơi chân thì chẳng thấy, tục giả có thể gọi là thấy, vậy về lời nói, nơi chân chẳng có nghe nơi tục có thể có nghe. Thế hội được chân, thông đạt được tục cho nên hay đến.

**Kinh:** *Ngài Diệu Cát Tường nói rằng... chẳng thể lại đi nữa.*

Tán: Đây là phần thượng khách trả lời sau, hiện đối đáp mà chẳng trái nghịch. Gồm hai ý, đầu tiên là trả lời nghĩa đến, sau là trả lời thấy nghe.

Trong phần đầu lại có hai:

1. Nêu lời đáp.
2. Giải thích lời đáp.

Đây là nêu lời đáp. Căn cứ theo sự để giải thích: Như thị, tức là thuận theo ý của kia nói. Lai (đến) tức là hưởng đến trượng thất; khứ (đi) tức trái lại với Am viên. Vả lại, nhân kia nói lai thì đây tùy thuận đáp khứ. Hưởng vào đây mà đến thì ngược với kia mà đi. Nếu xưa đã đến, thì chẳng đến nữa, nhưng vì từ xưa chưa đến vì thế nay mới đến. Đi cũng như thế. Nếu căn cứ theo lý, thì Không Lý Nghĩa ghi: “Thế tục đế có, nếu đã đến rồi, thì Thắng nghĩa đế không chẳng thể đến nữa. Thế tục đế có nếu đã đi, thì Thắng nghĩa đế không, chẳng lại đi nữa.

Cho nên biết đến đi là tùy thuận thế tục. Nếu y cứ Thắng nghĩa đế thì chẳng đến chẳng đi, thành ra Vô Cấu Xung chẳng đến mà đến vậy. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Nếu Biến kế sở chấp chấp đã đến thì đây là thể không vô chẳng thể đến nữa. Nếu Biến kế sở chấp chấp đã đi, thì đây cũng là thể không vô, cho nên chẳng thể đi nữa. Cho nên biết đến đi đều là nhân duyên giả lập bày mà có, đều không có tướng thật”. Lại có thuyết giải thích rằng: Nếu tùy y tha khởi tánh thế tục thì có đã đến, còn trong Thắng nghĩa thì chân như không có tướng sai biệt, nên chẳng thể đến nữa. Nếu tùy y tha khởi tánh thế tục, có đã đi thì trong thắng nghĩa chân như không có tướng sai biệt, lại chẳng đi nữa. Cho nên biết đến đi đều là y tha của thế tục giả lập. Nơi Thắng nghĩa thì đều không. Từ khi nêu lên đến đây, là nói về kia chánh thức đến, sau cũng như thế, cho nên không lập lại.

**Kinh:** *Vì sao?... có thể lập bày việc đi.*

Tán: Giải thích trả lời đến đi. Căn cứ theo sự để giải thích: chẳng phải đã đến mà có thể lập bày việc đến, mà cần phải chưa đến mới có thể đến; chẳng phải đã đi, mới lập bày việc đi cần phải chưa đi mới nói đi. Nếu y cứ vào lý giải thích thì Lý Không nghĩa ghi: “Chẳng phải thế tục có các việc đã đến mà y theo Thắng nghĩa đế có thể lập bày việc đến; chẳng phải thế tục đế có các việc đã đi, mà y cứ theo Thắng nghĩa đế để lập bày việc đi, vì Thắng nghĩa không”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Chẳng phải Biến kế sở chấp đã đến để có thể lập bày việc đến, mà còn phải nơi y tha chưa có việc đến, mới có thể giả lập đến. Chẳng phải Biến kế sở chấp chấp đã đi để lập bày việc đi mà cần phải nơi y tha chưa có việc đi, mới có thể giả lập việc đi”. Có cách giải thích rằng: Chẳng phải tùy y tha có đã đến mà y cứ vào chân như mà lập bày việc đến, cũng chẳng phải tùy y tha có việc đã đi mà y cứ vào lý chân như để lập bày việc đi. Đây là hiển thị việc y tha có đến đi, trong lý chân như thì không có đến đi. Bản xưa ghi: “Đến không từ nơi đâu, đi chẳng có chỗ đến”, khác với bản mới, chỉ có thể theo lý giải thích, không thể theo sự giải thích. Cũng có thể nói trong lý không có đến đi, sự thì có việc xưa chưa đến, nay mới đến.

**Kinh:** *Đã thấy... chẳng thể nghe nữa.*

Tán: Hai nghĩa ứng lý và không lý tuy khác nhưng đều căn cứ vào đến đi, thấy nghe cũng như thế.

**Kinh:** *Thôi hãy gát việc ấy qua... chẳng đến nổi tăng chẳng?*

Tán: Đây là nói về việc luận nghị, gồm có năm:

1. Hỏi chung về bệnh và hỏi riêng về nguyên do bệnh.



2. Hỏi về thất trống và không có thị giả.
3. Hỏi tướng bệnh.
4. Hỏi để an ủi.
5. Hỏi về phép tắc điều tâm của người bệnh.

Đoạn này là nói về bệnh của BỒ-tát và bệnh của dị sinh khác nhau. Như thế đâu có thể thành nhân pháp nhị không? Nhân pháp đã không thì lẽ ra không có tướng bệnh, bệnh đã không có tướng thì sao lại đến thăm hỏi. Tướng có thể biết còn người bệnh làm sao có thể điều phục tâm ý. Cho nên kể đó theo thứ tự có năm văn. Trong đoạn đầu lại có hai:

1. Hỏi.
2. Đáp.

Trong lời hỏi cũng có hai là hỏi chung về bệnh và hỏi riêng về gốc bệnh.

Hỏi chung về bệnh có ba:

1. Năm câu hỏi.
2. Truyền đạt lời Phật dạy.
3. Hỏi hai câu để hiển thị sự ân cần thăm bệnh.

Đây là văn đầu. Năm câu hỏi là hỏi khổ nhiều ít; hỏi mạng có hay không; hỏi về giới thuận nghịch; giới tức bốn đại; hỏi bệnh nặng nhẹ; hỏi bệnh ngừng tăng thêm không, tức dần ngừng tăng. Bản xưa ghi: “Không đến nổi tăng chứ”.

**Kinh:** *Thế Tôn ân cần thăm hỏi chẳng xiết.*

Tán: Truyền đạt lời Phật, lời tuy ngắn mà ý thăm hỏi lại vô kể.

**Kinh:** *Bệnh của cư sĩ đây... có an ổn chút ít chăng?*

Tán: Hỏi hai câu để hiển thị sự ân cần an ủi. Thuyên tức là bớt, an tức bình. Bệnh có bớt được ít chăng? Đi đứng khí lực có được bình ổn chút nào chăng?

**Kinh:** *Nay gốc bệnh này... làm sao để trị dứt?*

Tán: Đây là hỏi riêng về gốc bệnh. Gồm ba câu:

1. Hỏi nguồn gốc của bệnh.
2. Hỏi bệnh đã lâu mau.
3. Hỏi về diệt bệnh.

Cửu tức là lâu xa, như tức là ví dụ. Ý lời hỏi là: Bệnh phát sinh lâu mau, dụ như thế nào... ?

**Kinh:** *Vô Cấu Xung... bệnh của tôi sinh cũng như thế.*

Tán: Ông Vô Cấu Xung trả lời. Chẳng đáp câu hỏi chung mà chỉ trả lời câu hỏi riêng. Gồm có ba:



1. Đáp riêng về bệnh lâu mau.
2. Trả lời lâu mau và bệnh diệt.
3. Trả lời về gốc bệnh.

Đây là văn thứ nhất. Hỏi theo thứ tự, đáp thì tùy theo ý nghĩa, cho nên chẳng đồng. Hữu tình lấy vô minh làm nhân. Lấy hữu ái hay phát động các hành làm duyên, nhuần thấm các nghiệp, cho nên khởi sinh lão bệnh tử, lưu chuyển từ vô thủy đến nay, si ái của chúng sinh đã có từ lâu, bệnh của tôi hôm nay cũng phát sinh từ vô thủy lâu xa.

**Kinh:** *Xa từ mé trước... bệnh ta tức theo đó mà biết.*

Tán: Đây là đáp chung về bệnh lâu mau và bệnh diệt. Đầu tiên nêu lên, sau là giải thích. Đây là đoạn đầu. Việc lâu mau của bệnh ta thì nói rằng từ mé trước sinh tử lâu xa hữu tình đã có bệnh. Ta cũng tùy theo đó mà có lâu mau. Nếu hữu tình kia giải thoát sinh tử thì bệnh ta dứt trừ; nếu sinh tử của hữu tình rốt cuộc không có kỳ hạn giải thoát, thì bệnh ta chẳng bớt. Bệnh sinh tử vô thủy, thì bệnh diệt cũng vô chung, vì cõi chúng sinh không bao giờ tận.

**Kinh:** *Vì sao?... lại không có bệnh.*

Tán: Giải thích lâu mau bệnh diệt. Gồm có ba:

1. Pháp.
2. Dụ.
3. Hợp.

Đây là pháp. Bồ-tát có sinh tử là vì độ hữu tình, gọi là nương vào hữu tình mà lưu chuyển sinh tử. Do nương vào bệnh sinh tử của hữu tình, cho nên Bồ-tát có bệnh, nếu các hữu tình xa lìa sinh tử thì bệnh của Bồ-tát cũng trừ.

**Kinh:** *Ví như... bệnh cha mẹ cũng hết.*

Tán: Đây là nói dụ. Trưởng giả dụ cho Phật, cư sĩ dụ cho Bồ-tát. Người con dụ cho chúng sinh, thương yêu dụ lòng đại bi, hoan hỷ dụ cho sự mừng vui, chẳng bỏ dụ cho nhiếp thọ. Cho nên cũng tùy theo con mà có bệnh, mà lành bệnh.

**Kinh:** *Bồ-tát cũng như thế... bệnh Bồ-tát cũng lành.*

Tán: Đây là hợp. Bồ-tát hợp với cư sĩ, để hiển thị Vô Cấu Xưng còn ở nơi nhân vị, cho nên chẳng hợp với trưởng giả, thương xót hợp với yêu mến, hữu tình hợp với người con, bệnh lành hợp với bệnh và lành nói ở trước. Chẳng hợp với hoan hỷ và không có lúc nào tạm rời thì ý có thể biết được.

**Kinh:** *Nói bệnh này... từ đại bi khởi.*

Tán: Đây là phần trả lời nhân bệnh. Do đại bi đốt nóng cho nên

bệnh sinh, đại bi là nhân, cho nên bệnh của Bồ-tát khác với bệnh của dị sinh.

**Kinh:** *Bồ-tát Diệu Cát Tường nói rằng... lại không có thị giả?*

Tán: Đoạn thứ hai nói về trượng thất trống và không có thị giả.

Gồm hai phần: Hỏi và đáp. Đoạn này có hai lời hỏi:

1. Hỏi trượng thất trống.

2. Hỏi không có thị giả.

Đầu tiên hỏi về pháp không, sau hỏi về sinh không. Nếu các Bồ-tát tùy theo hữu tình mà bệnh sinh và bệnh lành, thì đâu thành hai không?

**Kinh:** *Vô Cấu Xung nói rằng... cũng đều không.*

Tán: Đây là lời đáp. Có hai:

1. Đáp về trượng thất trống.

2. Đáp về việc không có thị giả.

Trong phần thứ nhất gồm có mười ba câu hỏi đáp. Đây là lời đáp thứ nhất. Không Lý Nghĩa ghi: “Tất cả các cõi Phật vốn không tịch, cho nên nay trượng thất của ta là chân tánh cho nên không”. Không Lý Nghĩa ghi: “cõi Phật pháp thân do không mà hiển, vì lý không cho nên không. cõi Phật báo hóa, đều không có sở chấp vì sự không cho nên không. Thể đều chẳng phải không. Trượng thất của ta hôm nay, biểu thị cho cõi Phật không, cho nên trống không.”

**Kinh:** *Hỏi: Vì sao là không?*

Tán: Câu hỏi thứ hai. Vì sao cõi Phật cũng không?

**Kinh:** *Đáp: Vì không không.*

Tán: Câu trả lời thứ ba. Lý Không Nghĩa ghi: “Vì Thắng nghĩa để không vô sở hữu, cõi Phật liền không, cho nên nói vì không không”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Vì không chẳng có Biến kế sở chấp kia, mới có thể hiển bày nơi cõi pháp, báo, hóa. Cõi pháp, báo và hóa do đó mà gọi là không. Gọi là không không, chẳng phải là không và chẳng không.

**Kinh:** *Lại hỏi: Không này là không gì?*

Tán: Câu hỏi thứ tư. Hỏi sở không này, thì cái gì là năng không.

**Kinh:** *Đáp: Không năng là không vô phân biệt.*

Tán: Câu trả lời thứ năm. Tâm có phân biệt, chấp có chẳng phải không. Do vô phân biệt, cho nên tất cả đều không. Không Lý Nghĩa ghi: “Tuy biết bản tánh các pháp đều không nhưng cũng chứng vô phân biệt chứng không”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tâm có phân biệt, có chấp và sở chấp, do không phân biệt nên chứng sở chấp không.

**Kinh:** *Hỏi: Tánh không có thể phân biệt được chăng?*

Tán: Câu hỏi thứ sáu, Không Lý Nghĩa ghi: “Tánh của chân không có thể phân biệt chăng? Không có vô phân biệt thì chẳng chứng không”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tánh không sở chấp có thể phân biệt chăng? Khi có phân biệt thì chẳng chứng không”.

**Kinh:** *Đáp: Cái hay phân biệt này cũng không... chẳng thể phân biệt là không.*

Tán: Câu đáp thứ bảy. Đầu tiên nêu lời đáp. Từ câu vì sao?... Là giải thích. Lý không nghĩa ghi: “Tâm hay phân biệt, thể tánh chẳng không mà hay phân biệt tánh của chân không. Tâm hay phân biệt thể tánh vốn không làm sao có thể phân biệt tánh của chân không? Cho nên giải thích điều này rằng: “Tánh không chẳng thể phân biệt là không vì năng duyên sở duyên đều là tánh không. Ý trước là tùy theo chấp hữu, do đối đãi nên gọi là không. Kỳ thật không này chẳng không, chẳng phải chẳng không, thì làm sao có thể phân biệt?”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Chấp hay phân biệt đã là sở chấp, cũng là thể không, không chỉ cảnh sở chấp gọi là không, mà tâm chấp có năng thủ cũng là không, cho nên có năng thủ sở thủ thật này không thể phân biệt, tâm phân biệt cũng không, thì tánh không làm sao phân biệt được? Do đạo lý này mà giải thích rằng: Tánh không chẳng thể phân biệt là không. Trước là tùy theo đạo lý y tha chân như để đối phá chấp hữu. Nhưng nói không, kỳ thật không này chẳng phải không và chẳng không, làm sao có thể phân biệt được?”

**Kinh:** *Hỏi: Không này nên tìm cầu ở đâu?*

Tán: Lời hỏi thứ tám. Hỏi về nguyên nhân của không; nên tìm cầu ở đâu mà biết tướng không này.

**Kinh:** *Đáp: Không này... cầu nơi nhị kiến.*

Tán: Lời đáp thứ chín. Sáu mươi kiến có rất nhiều loại, hoặc là lấy ngã kiến, ngã sở. Kiến làm gốc, đối với mỗi một uẩn đều chấp là Ngã, đều có ba đó là ngã anh lạc, ngã đồng bộc và ngã quật trạch. Do phân biệt hành duyên uẩn mà chẳng phân biệt chỗ sinh khởi, thành hai mươi câu, trong đó năm câu là ngã kiến, mười lăm câu là ngã sở kiến. Năm uẩn trong ba đời mỗi mỗi chấp hai mươi câu này, tổng cộng thành sáu mươi hợp với hai loại gốc nên thành sáu mươi hai. Có kinh nói sáu mươi hai kiến thuộc về hai kiến là biên kiến và tà kiến. Biên kiến gồm thâu bốn mươi bảy kiến: Bốn biên thường luận, bốn nhất phần thường luận, mười sáu hữu tướng luận, tám vô tướng luận, tám phi hữu tướng phi vô tướng luận. (Bốn mươi loại này thuộc về thường kiến). Bảy đoạn diệt luận (thuộc đoạn kiến), cho nên thành bốn mươi bảy thuộc biên kiến.

Tà kiến gồm nhiếp mười lăm kiến: Bốn hữu biên luận, bốn bất tử kiêu loạn, hai vô nhân luận, năm hiện pháp Niết-bàn luận. Các nghĩa của kiến này như biệt chương đã giải thích, sợ văn dài dòng nên không thuật đủ. Do các vọng kiến này mà chấp các pháp có. Tâm chấp đã hư vọng thì biết cảnh không. Tuy biết “không” biến hiện là do năm kiến, nhưng nói sáu mươi hai là do có nhiều thuyết hư vọng nhận như thế, cho nên được riêng nêu lên, cũng không có lỗi.

**Kinh:** *Hỏi: Sáu mươi hai kiến tìm cầu nơi đâu?*

Tán: Câu hỏi thứ mười. Hỏi về nguyên do các kiến hư vọng này. Các kiến hư vọng này tìm cầu nơi đâu mới biết được.

**Kinh:** *Đáp: Nên cầu trong sự giải thoát của chư Phật.*

Tán: Lời đáp thứ mười một. Nghĩa là chư Phật từ nơi đây mà được Bồ-đề Niết-bàn, cho nên biết vọng kiến. Vả lại mê giải thoát thì khởi các kiến này.

**Kinh:** *Hỏi: Giải thoát của chư Phật tìm cầu ở đâu?*

Tán: Lời hỏi thứ mười hai. Hỏi giải thoát này là năng chứng của ai? Chứng giải thoát này nên cầu ở đâu?

**Kinh:** *Đáp: Nên cầu nơi tâm hành của tất cả hữu tình.*

Tán: Lời đáp thứ mười ba. Do các hữu tình mê chánh lý nên các vọng kiến sinh khởi, chẳng được giải thoát. Tâm hành của hữu tình, nếu ngộ được chân lý, đoạn trừ các vọng kiến thì liền chứng Niết-bàn. Cho nên giải thoát nên cầu nơi tâm của hữu tình. Sáu câu hỏi đáp trên đều là thuộc về nghĩa ứng lý. Không Lý Nghĩa ghi: “Vọng cảnh và tâm không hai, nên cầu không nơi các kiến. Vọng chân không hai, nên cầu kiến nơi giải thoát. Nhân quả không hai, nên cầu giải thoát nơi tâm hành. Trong Thắng nghĩa để đều không hai.

**Kinh:** *Vả lại nhân giả hỏi vì sao không có thị giả... đều là thị giả của tôi.*

Tán: Đáp câu hỏi thứ hai là vì sao không có thị giả. Đầu tiên là nêu lên, sau là giải thích. Đây là lời nêu lên.

**Kinh:** *Vì sao?*

Tán: Phần giải thích. Có hai:

1. Hỏi.

2. Giải thích.

Đây là lời hỏi. Phàm thị giả là tùy thuận phụng sự các việc, hành động hay nghỉ ngơi đều phải có đủ, còn ở đây hai việc ấy đều không, thì vì sao gọi là thị?

**Kinh:** *Tất cả ma oán... đều là thị giả của ta.*

Tán: Ma thì thích sinh tử, sợ vượt ba cõi. Ta là chúng sinh, chẳng ghét chẳng bỏ mà chế phục chúng, khiến chúng tùy thuận cung giúp các việc thường ngày như thế, cho nên lấy ma làm thị giả. Ngoại đạo thích tìm cầu các ác kiến, và tán thán các kiến này. Còn ta thì cầu tri kiến, thấu đạt các pháp, chẳng chán chẳng bỏ mà lại giáo hóa họ, khiến họ tùy thuận mà đến phụng sự các việc thường ngày như thế, cho nên lấy ngoại đạo làm thị giả. Xưa ghi là: Các kiến chẳng động. Tuy khởi thiện kiến ác kiến nhưng đều chẳng động; lý cũng không trái với ý nêu trên. Không Lý Nghĩa ghi: “Tuy chứng hai không, nhưng thật chẳng làm hoại việc tùy thuận thế tục, nên cũng có thị giả”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tuy biết chân như tánh không sở chấp, nhưng trong nhân duyên sự, chẳng thể không có thị giả... cho nên có bệnh”.

**Kinh:** *Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi... có tướng gì?*

Tán: Đoạn thứ ba hỏi về tướng trạng của bệnh. Gồm có ba câu hỏi đáp. Đây là câu hỏi thứ nhất.

**Kinh:** *Đáp: Bệnh của tôi... cũng chẳng thể thấy.*

Tán: Đây là câu trả lời thứ nhất. Tướng tức là trạng. Bệnh của ta chẳng thuộc sắc, chẳng đồng như bệnh của thế gian do sắc biến chuyển, vì thế không có tướng trạng, cũng chẳng thể thấy. Vì đó là do tâm đại bi tinh tấn bậc bách nên gọi là bệnh, bệnh này là do lợi lạc tinh tấn và đại bi phát khởi, đại bi thì chẳng phải sắc.

**Kinh:** *Hỏi: Bệnh này... tương ứng với tâm.*

Tán: Câu hỏi thứ hai. Hỏi bệnh tại thân hay tại tâm?

**Kinh:** *Đáp: Bệnh của ta... như huyễn hóa.*

Tán: Câu trả lời thứ hai. Vọng chấp có thân tướng, ở đây thân tướng đều không, nên gọi là thân tướng ly. Ly tức là không. Chẳng tương ứng với thân. Thân nhân duyên giả có, như ảnh tượng. Thân này chẳng phải không bệnh, tương ứng với thân, vì dùng nghiệp thân miệng cứu chúng sinh. Câu trả lời trước cho rằng bệnh thật chẳng phải là sắc tướng, nay lại đáp tùy chúng sinh, cho nên tương ứng với thân. Hoặc năm thức có, gọi là tương ứng với thân, chẳng thuộc sắc của sắc giới, cũng chẳng trái nhau. Vọng chấp có tâm tướng, tướng của tâm này đều không gọi là tâm tướng ứng (tương ứng với tâm). Ly tức là không, chẳng tương ứng với tâm này. Tâm nhân duyên giả hữu như huyễn hóa, tâm này chẳng phải không, nhưng bệnh và tâm tương ứng, vì thường dùng ý nghiệp lợi lạc chúng sinh. Bản dịch xưa nói về thân chỉ có phi tương ứng nghiệp mà không có “cũng tương ứng”. Về tâm khi nêu thì phi tương ứng, giải thích thì có nghĩa tương ứng. Suy xét kỹ thì mới biết lý không

chân đế chẳng có hai tướng ứng, tục đế có hai tướng ứng. Hai tánh của ứng lý chẳng có hai tướng ứng, Y tha thì có hai tướng ứng.

**Kinh:** *Hỏi: Địa giới... bệnh của giới nào?*

Tán: Đây là câu hỏi thứ ba. Thể của bệnh là do bốn đại trái nghịch, khiến các khổ bức bách. Trong bốn giới này, thì giới nào bệnh, giới tức là tánh, là nhân, là loại. Thể loại của bốn đại gọi là nhân của sắc, cho nên gọi là giới.

**Kinh:** *Đáp: Thân các hữu tình... lia tánh giới.*

Tán: Vì chúng sinh bệnh nên bệnh của ta sinh. Bốn giới của chúng sinh là bệnh, đồng với thân ông ấy cũng là bốn giới. Tánh giới là không, lia, cũng chẳng phải là bốn giới của thân tâm. Bốn giới đều nói lia. Không Lý Nghĩa ghi: “Vì chân tánh không”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Vì không có sở chấp”. Ý có khác nhau, tất cả đều biết; tuy biết hai không nhưng vì chúng sinh bệnh, cho nên có tướng bệnh.

**Kinh:** *Vô Cấu Xưng nói... khiến họ được hoan hỷ.*

Tán: Câu hỏi thứ tư. An ủi. Có hai là hỏi và đáp. Đây là lời hỏi. Chủ khách đối luận, cùng nhau phát khởi. Từ trên đến đây là phần khách hỏi chủ, đã xong, cho nên bây giờ là phần chủ nhân hỏi khách. Vả lại việc của chủ nhân, thì khách hỏi, việc của khách thì chủ nhân phải hỏi. Han hỏi an ủi người bệnh là việc của khách cho nên ngài Vô Cấu Xưng mới hỏi. Ủy là an, dụ là hiển dụ. Làm thế nào để an ủi hiển dụ người bệnh. Bản kinh xưa ghi ngài Văn-thù hỏi, ngài Vô Cấu đáp, ý nghĩa thật trái nghịch, chẳng lẽ ngài Văn-thù không biết an ủi hiển dụ sao, mà phải hỏi ông ấy?

**Kinh:** *Ngài Diệu Cát Tường đáp... thích Niết-bàn.*

Tán: Đây là lời đáp. Có hai là đáp và kết luận. Lời đáp gồm mười câu, năm câu đầu là khuyên làm mà chẳng làm, năm câu sau khuyên chẳng làm mà làm. Hoặc cho rằng năm câu đầu là khiến lia ác, năm câu sau là khiến tu thiện. Trong đó được chia làm hai phần. Nhị thừa thì chỉ bày vô thường, khuyên thân diệt trí bất, xa lia thân, còn Bồ-tát chẳng phải như thế, chỉ bày thân là vô thường nên sinh khởi tâm nhàm lia, khuyên tu thân thường như kim cương chẳng hoại. Nhị thừa thì nêu lên khổ, khuyên thích Niết-bàn, vĩnh viễn nhập tịch diệt. Còn Bồ-tát thì nêu khổ để khiến xả bỏ thân khổ, chẳng khuyên nhập tịch, mà khuyên giáo hóa chúng sinh.

**Kinh:** *Chỉ bày thân này là vô ngã... rất ráo tịch diệt.*

Tán: Chỉ bày thân này là vô ngã, ai là người bệnh, chẳng khuyên thành thực hữu tình, vì không thật có chúng sinh để thành thực. Nếu

là giả hữu tình thì cũng khuyên thành thực. Bản xưa nói: “Dạy dỗ dẫn dắt chúng sinh”. Nhị thừa thì chỉ bày không, vĩnh viễn nhập tịch diệt. Còn Bồ-tát tuy chỉ bày tất cả đều không tịch, trừ những người có sợ sệt, chẳng khuyên chúng sinh nhập rốt ráo tịch diệt. Cả hai đều do đại bi huân thành.

**Kinh:** *Chỉ dạy sinh hối tội trước... khiến trừ bệnh cho họ.*

Tán: Không Lý Nghĩa ghi: “Nhị thừa chấp có ba thời. Tội hiện đã làm, liền rơi vào quá khứ, gọi là có di chuyển. Quá khứ có thể, thì vị lai sẽ cảm quả. Theo Đại thừa thì tội tánh đều không, thì đâu có di chuyển. Đó là nghĩa sám hối chỉ dạy cho người bệnh. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tội về Đại thừa, huân tập tại thân, khi chưa sám hối thì niệm niệm luôn ở hiện tại, chưa rơi vào quá khứ gọi là không di chuyển, chưa trừ chẳng diệt thì vị lai sẽ cảm quả. Tuy đã giáo hóa Bồ-tát có bệnh sám hối tội lỗi đã làm ở từ trước, nhưng tội luôn luôn ở hiện tại, mà chẳng nói là vào quá khứ, vì quá khứ đã không. Do đó bản dịch xưa ghi: “Mà chẳng nói nhập vào quá khứ”. Vả lại di chuyển nghĩa là diệt không có quả, hiển thị tội đã làm từ trước sẽ cảm quả ác, khiến sám hối trừ tội, chẳng nói tạo tội chuyển diệt không có quả. Vì bệnh khổ của mình khó nhẫn chịu cho nên khuyên thương xót loài hữu tình, khiến dứt trừ bệnh khổ cho họ.

**Kinh:** *Khuyên nhớ đến... khiến tu tịnh mạng.*

Tán: Khuyên nhớ nghĩ đến các khổ đã thọ nhận từ vô thủy, khó có thể nhẫn chịu được, do đó mà nên làm lợi ích cho hữu tình, chớ nên phiền não; nếu có kẻ tà mạng, thiện pháp chẳng sinh thì khuyên tu các thiện, lấy tịnh mạng làm căn bản. Vì tịnh mạng là gốc của các điều thiện.

**Kinh:** *Khuyên chớ kinh sợ... khiến vĩnh viễn tịch diệt.*

Tán: Tuy gặp bệnh tật, nhưng khuyên chớ kinh sợ các khổ hoạn của bệnh này, mà nên ra sức, tinh tấn dũng mãnh vượt khỏi sinh tử. Khuyên làm bậc y vương để chữa trị thân bệnh thế tục cho ta và người ở thế gian và chữa trị tất cả tâm bệnh thẳng nghĩa, khiến vĩnh viễn tịch diệt.

**Kinh:** *Bồ-tát... khiến cho hoan hỷ.*

Tán: Đây là phần kết luận ý trước. Đạo từ hoan hỷ sinh. Hướng gì là khiến được diệu pháp, cho nên an ủi người bệnh, làm cho họ được hoan hỷ.

**Kinh:** *Bồ-tát Diệu Cát Tường nói rằng... điều phục tâm ấy.*

Tán: Thứ năm là hỏi về phép tắc điều tâm của người bệnh. Đầu tiên là hỏi, sau là đáp. Đây là lời hỏi. Điều hòa thì thiện sinh, chế phục



thì ác diệt, gọi là điều phục tâm.

**Kinh:** *Vô Cấu Xưng nói rằng... phiền não phân biệt, hư vọng điên đảo khởi thì nghiệp sinh.*

Tán: Đây là lời đáp, gồm có ba:

1. Nói về pháp điều phục tâm phàm phu.

2. Pháp điều phục tâm Nhị thừa tức từ câu: “Bồ-tát Diệu Cát Tướng có bệnh nên tự quán xét, như bệnh của tôi đây...”.

3. Điều phục cả hai tâm, tức từ câu: “Thưa ngài Diệu Cát Tướng! Bồ-tát có bệnh nên điều phục tự tâm như thế, chẳng nên an trụ nơi điều phục hay chẳng điều phục...”, năng điều phục của các Bồ-tát là trí vô phân biệt và đại bi, sở điều phục là hai chướng và tự lợi. Phàm phu có chướng cho nên hay tạo nghiệp, chịu quả khổ sinh tử. Nay phá hai chướng thì nghiệp hết, khổ trừ. Vì thế đầu tiên nói về pháp điều phục của phàm phu. Nhị thừa tuy ra khỏi khổ sinh tử, nhưng còn tâm phân biệt, chỉ cầu tự lợi, bỏ việc lợi lạc chúng sinh, vì thế thứ hai nói về pháp điều phục của Nhị thừa. Phàm phu chưa điều phục, Nhị thừa đã điều phục, đều chỉ là trụ một bên, chưa hợp trung đạo. Bồ-tát lia xa cả hai để tu hạnh trung đạo, vì thế thứ ba là nói về pháp điều phục hai tâm trên. Vả lại các bệnh khởi đều là do hai chấp là chấp có và chấp không. Vì điều phục hai chấp này cho nên phân làm ba:

1. Nói hai không để phá chấp có.

2. Nói đại bi để phá chấp không; cuối cùng nói chẳng trụ để phá cả hai.

Căn cứ theo sự phân khoa từ trước, phối hợp với ba đoạn này. Trong phần đầu có hai:

1. Chính thức điều phục tâm phàm phu, nói hai không để phá hữu.

2. Từ câu Diệu Cát Tướng .... trở xuống là kết thành thắng giác hay đoạn các khổ.

Trong phần một lại có hai:

1. Phá bệnh của chính mình.

2. Phá bệnh cho người, “Nếu khổ đến thân thì nên thương xót chúng sinh trong cõi hiểm nạn...”.

Trong phần một lại có hai:

1. Phá ngã chấp, đoạn phiền não chướng.

2. Từ câu “đối với pháp tướng này ta...” là phá pháp chấp, đoạn sở tri chướng.

Đoạn một lại có hai:

1. Nêu lên.

2. Giải thích.

Trong phần nêu lên lại có hai:

1. Nói về pháp quán nhân duyên.

2. Quán không thật ngã.

Đây là vấn đề. Tâm và tâm sở nơi ba cõi đều hư vọng, chẳng chứng thật tướng; tức trái với chân mà gọi là điên đảo; hư dối phân chia nên gọi là phân biệt. Do phiền não này mà khởi nghiệp, khiến cho các bệnh sinh lão tử, khổ hoạn từ nghiệp phiền não nhân duyên của mình mà phát sinh. Biết đó chỉ là pháp mà thôi.

**Kinh:** Trong thân đều không... mà chịu bệnh này.

Tán: Đoạn này là nói về quán không có thật ngã. Do nhân duyên giả sinh, hợp lại thành thân, không có mảy may chân thật. Biết không có thật ngã mà chịu bệnh này. Ngã đã không thật, thì bệnh đau có chân thật.

**Kinh:** Vì sao?... thân cũng vô ngã.

Tán: Đây là phần giải thích, gồm có hai:

1. Quán vô ngã.

2. Quán chỉ có pháp.

Trong phần quán vô ngã thì đầu tiên nói về quán, sau là kết luận.

Trong phần quán lại chia làm hai:

1. Quán vô ngã.

2. Quán nhân duyên.

Theo thứ tự giải thích. Pháp bốn đại giả hợp gọi là thân, các đại là biệt đã không có chủ, vậy thân là tổng cũng không có chủ. Từ tổng và biệt mà suy ra thì ngã cũng chẳng phải có.

**Kinh:** Bệnh này đã khởi... là gốc của bệnh.

Tán: Đây là đoạn quán nhân duyên. Bệnh do nghiệp sinh, nghiệp do hoặc sinh, hoặc do chấp ngã mà sinh; ngã đã thật là không, vì vọng chấp cho nên khởi. Chấp tâm vọng làm gốc thì bệnh liền sinh, cho nên biết bệnh chỉ là nhân duyên, chẳng thật có.

**Kinh:** Do nhân duyên này... an trụ nơi pháp tướng.

Tán: Trên là nói về quán ngã không, ở đây là phần kết luận. Nên trừ nhân bệnh, chấp ngã tướng chỉ có nhân duyên, trụ ở pháp tướng này mà quán pháp nhân duyên để phá ngã.

**Kinh:** Nghĩ như thế... diệt chỉ là pháp diệt.

Tán: Quán chỉ có pháp. Đầu tiên là nói về quán, sau là kết luận. Đầu tiên quán chung, sau quán riêng. Đây là phần quán chung. Quán

chung thân này là do các pháp hợp thành, niệm niệm sinh diệt, sinh tử lưu chuyển trong ba cõi, năm đường, bốn sinh. Khi sinh chỉ có pháp sinh, khi chết diệt chỉ có pháp diệt. Chúng sinh vọng tưởng, cho rằng ngã có sinh tử, thật ra đó chỉ là pháp mà thôi.

**Kinh:** *Các pháp như thế... chẳng nói ngã diệt.*

Tán: Đây là nói quán riêng. Quán riêng thân này chỉ là các pháp tương tục, pháp thì vô tri, luôn luôn chẳng biết nhau, rốt ráo không có suy nghĩ. Sinh đã chẳng nói ta sinh, diệt cũng chẳng nói ta diệt. Cho nên biết vô ngã, không thật có tác dụng, chỉ có pháp.

**Kinh:** *Bồ-tát có bệnh... pháp tướng như thế.*

Tán: Kết luận về quán các pháp. Biết chỉ có pháp, thì sẽ trừ ngã tưởng. Luận Thập Nhị ghi: “Nói không có ngã hữu tình, chỉ có nhân của pháp”.

**Kinh:** *Ta đối với pháp tướng này... đại hoạn như thế.*

Tán: Trên là phá ngã chấp, đoạn phiền não chướng, sau là pháp chấp đoạn sở tri chướng; có hai đầu tiên là lược nêu, sau là giải thích rộng. Đây là lược nêu. Xưa chấp ngã tưởng, còn là gốc bệnh, nay chấp ngã tưởng là quá điên đảo. Ngã tưởng đã là gốc của sinh tử, pháp tướng là nguồn của ngã chấp, là gốc chướng Bồ-đề thật là một hoạn họa lớn ta nên trừ diệt, cũng trừ diệt hoạn họa này cho hữu tình. Gốc của pháp chấp đã diệt thì phiền não tự trừ, cho nên trong phần phá pháp tướng nói vì hữu tình, trong phần phá ngã chấp thì lược bỏ không nói. Kinh Thắng Man nói vô minh trụ địa và tất cả phiền não đều nương nhau kiến lập, nếu đoạn vô minh thì hằng hà sa phiền não ở quá khứ đều diệt tận. Nhị thừa không thể đoạn trừ, chỉ có trí Bồ-đề của Phật mới đoạn trừ được, vì thế vô minh trụ địa là sở y của phiền não.

**Kinh:** *Làm sao mà trừ... ngã và ngã sở chấp.*

Tán: Giải thích rộng, gồm hai:

1. Phá bệnh chấp có.

2. Phá bệnh chấp không, tức là câu: “Hai pháp này không là gì, cũng lại là không...”

Đầu tiên phá chấp có, gồm năm câu vấn đáp, xoay vần phát khởi. Bản xưa chỉ có bốn. Đây là câu hỏi đáp đầu. Chịu khổ sinh tử, chẳng được Bồ-đề là thể của đại hoạn, đây là do phiền não chấp ngã và ngã sở, cần phải diệt trừ.

**Kinh:** *Làm sao có thể trừ... nghĩa là lìa hai pháp.*

Tán: Câu hỏi đáp thứ hai. Do lìa hai pháp thì chấp tự diệt.

**Kinh:** *Làm thế nào để lìa hai pháp?... rốt ráo chẳng hành.*

Tán: Câu hỏi đáp thứ ba. Bên trong (nội) tức là thân, là sở y của ngã chấp. Bên ngoài (ngoại) tức là các pháp ngoài thân là sở y của ngã sở chấp. Chỉ hai pháp này không hiện hành thì ngã và ngã sở chấp tự diệt.

**Kinh:** *Làm sao hai pháp rốt ráo chẳng hiện hành... không quán xét.*

Tán: Câu hỏi đáp thứ tư. Hiện thị “không” trong và ngoài cần phải quán các pháp bình đẳng, không có phân biệt lay động, không có chỗ quán xét. Không có chỗ quán xét nghĩa là quán tất cả các pháp không vô sở hữu, tức là bình đẳng, chẳng động chẳng lay.

**Kinh:** *Thế nào là bình đẳng... hai tánh đều không.*

Tán: Câu hỏi đáp thứ năm. Không Lý Nghĩa ghi: “Ngã và Niết-bàn, trong Thắng nghĩa đế, cả hai đều bình đẳng, do hai tánh kia là không, vô thể”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Biến kế sở chấp, ngã và Niết-bàn cả hai đều bình đẳng, vọng tâm chấp trước, vì tánh của nó đều không, chẳng phải chân Niết-bàn. Vả lại thể của nó chẳng phải là có, cùng với sở chấp ngã hư vọng là không. Niết-bàn chẳng phải là sở chấp hư vọng. Nếu chân Niết-bàn cũng là sở chấp hư vọng thì các Thánh làm sao chứng ngộ. Vả lại sở chấp đã có, khác với Niết-bàn nên gọi là chẳng bình đẳng. Sở chấp đã không, chẳng khác Niết-bàn cho nên bình đẳng.

**Kinh:** *Hai pháp này đã không... giả thuyết là không.*

Tán: Trong phần phá khổ hoạn của mình thì trên đã phá bệnh chấp có, sau đây là phá bệnh chấp không. Có ba:

1. Nường theo ý trước mà phá hữu để hiển bày nghĩa không.
2. Chỉ bày chấp không cũng là đại khổ hoạn.
3. Khuyên trụ nơi chân, xa lìa bệnh không và có.

Đây là văn thứ nhất. Sở chấp chẳng có, lại có riêng thật không, nay hiển thị vì phá chấp có cho nên giả thuyết không, dùng danh từ giả không để phá chấp hai thật hữu; chẳng phải không tức là chân thật không.

**Kinh:** *Hai pháp này chẳng thật... chỉ có bệnh không.*

Tán: Ở đây là hiển bày nếu chấp không cũng là khổ não lớn. Gồm hai phần:

1. Nơi chấp không là bệnh.
2. Trừ bệnh chấp không này.

Đây là lời văn thứ nhất. Chấp hai pháp này là có, đã là khổ não lớn, chấp không là không thì cũng là bệnh vậy, đều là vọng phân biệt chấp và sở chấp mà thôi.

**Kinh:** *Nên quán như thế... rất ráo không.*

Tán: Đoạn này nói trừ bệnh chấp không. Không Lý Nghĩa ghi: “Không chỉ bệnh chấp có đã thành không, mà bệnh chấp không, tánh của nó cũng không. Trong Thắng nghĩa đế, rất ráo đều không. Do đó các bệnh hư vọng của thế tục đều trừ”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Trên quán tánh của pháp cảnh đều không vô, biết tánh của năng chấp này cũng chẳng thật. Đã biết cảnh không là vọng chấp chẳng thật, thì tâm năng chấp không nhất định cũng chẳng thật, vì biến kế sở chấp rất ráo không.

**Kinh:** *Bồ-tát có bệnh... mà lãnh các thọ.*

Tán: Đây là khuyên trụ chân, lìa bệnh hữu không. Đây là nói lìa tất cả hai bệnh không và hữu. Nói năng thọ tức là tâm và tâm sở pháp hay duyên, hay tu, hay chứng, hay lãnh nạp tất cả pháp. Nói sở thọ tức là tâm và tâm sở pháp là chỗ duyên, chỗ tu, chỗ chứng, chỗ lãnh nạp tất cả pháp. Hữu sở thọ tức là sở chấp hư vọng, hữu năng thọ tức năng chấp hư vọng. Bồ-tát có bệnh không nên dùng sở thọ hư vọng mà lãnh thọ các sở thọ”. Không Lý Nghĩa ghi: “không có hai thọ thế tục nương vào thọ không của Thắng nghĩa”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “không có hai thọ sở chấp nương vào hai thọ chẳng hư vọng. Nên không có sở thọ để lìa bệnh chấp hữu, mà thọ các thọ để lìa bệnh chấp không”.

**Kinh:** *Nếu nơi Phật pháp... thọ nhận các pháp.*

Tán: Đây trình bày riêng về việc lìa bệnh chấp có chấp không. Không Lý Nghĩa ghi: “Phật pháp chưa viên mãn, chẳng nên nương vào Thắng nghĩa mà diệt các thọ, chỉ cho rằng pháp không mà có sở chứng; cần phải nương vào tục đế mà lìa hai thọ hư vọng, cầu chứng ngộ viên mãn, diệt trừ bệnh”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Phật pháp chưa viên mãn, chẳng nên chỉ nương vào việc diệt sở chấp thọ. Một bề học không mà có sở chứng. Cần phải lìa năng thọ sở thọ sở chấp. Nương vào Y tha, Viên thành để cầu chứng ngộ viên mãn, trừ diệt nhân bệnh.

**Kinh:** *Nếu khổ đến thân... trừ diệt các khổ kia.*

Tán: Đây là phá trừ bệnh cho người, gồm bốn ý:

1. Gặp duyên khởi tưởng.
2. Hằng khởi tâm cứu độ.
3. Biết pháp tánh không.
4. Quán nhân thuyết pháp.

Đây là văn thứ nhất. Nếu bệnh tăng, bệnh đến thân thì nên nhớ nghĩ đến người có bệnh khổ, khởi tâm đại bi mà nhổ trừ bệnh khổ cho họ. Ta có ít bệnh khổ mà còn khó có thể nhẫn chịu, nhờ người khác chữa trị, huống gì là người bị nhiều bệnh khổ, dài lâu khó chịu đựng nổi,

mà ta chẳng gia tâm cứu giúp ư?

**Kinh:** *Bồ-tát có bệnh... các bệnh của hữu tình.*

Tán: Hằng khởi tâm cứu độ. Nếu chẳng phải khổ tăng mà thường có bệnh thì nên luôn khởi niệm ấy, nghĩa là quán ba cõi năm đường mà khởi đại bi.

**Kinh:** *Như thế trừ diệt... mà có thể trừ.*

Tán: Đây là nói về biết pháp tánh không. Quán thân của mình và người và các pháp đều không thật, thì đâu có một pháp nào để có thể trừ, cho nên các bệnh đều trừ, chẳng thấy có bệnh. Bản dịch xưa ghi: “Chỉ trừ bệnh ấy, mà không trừ pháp”; Không Lý Nghĩa ghi: “Bản xưa nói bệnh hữu thì hư vọng, có thể trừ; pháp không thì chân thật, chẳng thể diệt, vì chân xưa nay là không, diệt đâu có chỗ để diệt. Ứng Lý Nghĩa giải thích rằng: “Bản xưa nói bệnh do vọng chấp nên quán không để trừ. Pháp hữu vi vô vi chẳng phải là bệnh, đâu cần phải trừ bỏ”.

**Kinh:** *Nêu chánh quán xét... là chánh thuyết pháp.*

Tán: Đây là quán nhân thuyết pháp. Đầu tiên là nêu lên, sau là giải thích. Đây là đoạn nêu lên, quán xét nhân duyên bệnh của mình và người, nhanh chóng trừ diệt, mình đã trừ, sau trừ diệt cho người.

**Kinh:** *Thế nào gọi là... đều có bệnh.*

Tán: Giải thích. Đầu tiên gồm có năm câu hỏi đáp xoay vần phát sinh. Sau là kết luận đoạn trừ hai bệnh. Đây là câu hỏi đáp thứ nhất: Có tâm duyên lự tức có hư vọng, không có tâm phan duyên thì chứng không, bệnh liền diệt. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Duyên lự tức tâm tâm sở hữu lậu phân biệt. Do nhân duyên phân biệt này mà phân biệt liền khởi, cho nên vô minh sinh, vô minh đã sinh thì pháp chấp có, pháp chấp đã có thì ngã chấp có, ngã chấp đã có thì phiền não sinh, phiền não sinh thì nghiệp sinh, nghiệp sinh thì khổ sinh, vì thế mà có duyên lự, có tâm tâm sở pháp phân biệt hữu lậu làm nhân duyên cho bệnh, có duyên lự thì đều có bệnh. Thể của bệnh là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ, đều là duyên lự của ba cõi, đều là bệnh.

**Kinh:** *Thế nào là duyên lự? Tức là duyên ba cõi?*

Tán: Câu hỏi đáp thứ hai. Tâm trong ba cõi, duyên nơi ba cõi, đó là duyên lự. Nếu trí gia hạnh chẳng duyên với ba cõi, phá trừ sinh tử thì chẳng phải là nhân của khổ, tất cả lý vô lậu chẳng phải là gốc của khổ, cho nên nói hữu lậu duyên khổ của ba cõi là duyên lự.

**Kinh:** *Vì sao biết được... thì không có duyên lự.*

Tán: Câu hỏi đáp thứ ba. Vì sao biết được tâm duyên lự này là nhân của các khổ? Nghĩa là được trí xuất thế thì có thể liễu đạt được

duyên lự hư vọng sinh khởi, các pháp sở chấp đều chẳng có được. Nếu khởi chánh trí đạt được vô sở đắc, thì không có duyên lự hư vọng trong ba cõi.

**Kinh:** *Thế nào là bất duyên lự? Nghĩa là chẳng duyên hai kiến?*

Tán: Câu hỏi đáp thứ tư. Làm sao dứt bất được tâm duyên lự hư vọng? Nghĩa là chẳng duyên hai kiến, tức trí vô phân biệt, trong chứng chân như, thì chẳng duyên hai kiến. Duyên nghĩa là nương gá. Bản dịch xưa ghi “Hai kiến”, hai kiến vô sở đắc. Duy Thức ghi: “Nếu lúc bấy giờ nơi trí sở duyên đều vô sở đắc, thì trụ ở Duy thức, là hai tướng thủ”.

**Kinh:** *Thế nào là hai kiến? Đó là hai kiến trong ngoài.*

Tán: Đây là câu hỏi đáp thứ năm. Kiến bên trong tức ngã kiến, hoặc gọi là năng thủ; kiến bên ngoài là ngã sở kiến, hoặc gọi là sở thủ.

**Kinh:** *Nếu không có hai kiến... thì không có bệnh.*

Tán: Đây là tổng kết đoạn trừ hai bệnh. Đoạn này nói về mình không có bệnh. Nếu có hai kiến thì chấp có sở đắc. Nếu không có hai kiến thì vô sở đắc, chứng pháp chân như. Đã chứng đắc chân thì dứt bất duyên lự hữu lậu vô lậu trong ba cõi. Duyên lự đã dứt, thì nhân chẳng khởi, quả khổ chẳng sinh, do đó không có các bệnh. Bản dịch xưa không có kết luận nên nghĩa nêu trên không hiển bày.

**Kinh:** *Nếu mình không bệnh... bệnh của hữu tình.*

Tán: Đây là nói đoạn trừ bệnh cho người.

**Kinh:** *Thưa ngài Diệu Cát Tường... điều phục tâm kia.*

Tán: Đây là phần kết luận nói thắng giác hay đoạn trừ các khổ, gồm có ba:

1. Kết luận.
2. Nêu lên.
3. Giải thích.

Đây là đoạn kết luận ý trên dẫn sinh nghĩa dưới.

**Kinh:** *Chỉ có Bồ-đề của Bồ-tát... tức là uổng phí.*

Tán: Đoạn này nêu thắng giác hay đoạn trừ các khổ. Thắng giác tuệ của Bồ-tát hay đoạn các khổ, chẳng phải tất cả Nhị thừa và ngoại đạo có được. Nếu chẳng phải thắng giác của Bồ-tát đoạn trừ được, thì việc tu tập của Bồ-tát trở thành uổng phí, vì chẳng có kết quả.

**Kinh:** *Vì sao?... mới gọi là Bồ-tát.*

Tán: Giải thích phần đã nêu trên. Đầu tiên là dụ, sau là hợp. Theo ý văn có thể biết được.

